

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11- 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tố Mỹ
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Dũng– Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Phạm Thái H, sinh năm 1981 (có mặt);
Địa chỉ: Tổ 8 khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ 8 khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Vũ Phạm Thái H trình bày:

Ông Vũ Phạm Thái H và bà Hà Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01/2007 ngày 19-6-2007.

Sau khi kết hôn ông H và bà N về chung sống cùng nhà ba mẹ ông H ở địa chỉ tổ 8 khu phố K, phường D, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2014 ông bà xây nhà trên diện tích đất mà ông bà tạo lập.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Ông và bà N đã sống ly thân từ tháng 01/2019. Mặc dù vẫn chung sống trong một mái nhà nhưng không ai quan tâm ai. Cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông H và bà N có hai con chung là cháu Vũ Hà Bảo A, sinh ngày 28-02-2008 và Vũ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 22-9-2013. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và giao cháu Tr cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu A.

- Về tài sản chung: Ông H và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Bị đơn bà Hà Thị N: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc và tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Vũ Phạm Thái H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hà Thị N và giải quyết vấn đề về con chung giữa ông và bà N. Đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Hà Thị N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2]. Ông Vũ Phạm Thái H và bà Hà Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của ông H và bà N là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông H thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà N sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên ở ông H và bà N thì do mâu thuẫn nên cả hai không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến phải sống ly thân. Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa ông H và bà N đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần yêu cầu bà N tham gia buổi hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng bà N vẫn vắng mặt. Điều đó cho thấy bà N không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân của chính mình. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông H là có cơ sở, nên được chấp nhận.

-Về con chung: Ông H và bà N có hai con chung là cháu Vũ Hà Bảo A, sinh ngày 28-02-2008 và Vũ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 22-9-2013. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và đồng ý giao cháu Tr cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu A.

Xét ông H và bà N là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu A và Tr. Bà N biết được yêu cầu của ông H về vấn đề con chung nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy yêu cầu của ông H về việc giao cháu A cho ông và giao cháu Tr cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu này của ông H.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tr 2.000.000 đồng/tháng.

-Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Còn đối với bà N thì sau khi nhận được thông báo thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Phạm Thái H

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Phạm Thái H và bà Hà Thị N được ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Vũ Phạm Thái H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Hà Bảo A, sinh ngày 28-02-2008; bà Hà Thị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 22-9-2013 đến khi cháu A và Tr đủ 18 tuổi. Ông Vũ Phạm Thái H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi. Bà Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Vũ Phạm Thái H và bà Hà Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Ông Vũ Phạm Thái H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cho yêu cầu ly hôn;

- Ông Vũ Phạm Thái H còn phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

Như vậy tổng số tiền án phí ông Vũ Phạm Thái H phải nộp là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008799 ngày 19-7-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy ông H còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-11-2019), các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND xã T, H. P; Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương